| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN IA GRAI**<br>**TỈNH GIA LAI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 20/2018/ HNGĐ-ST<br>Ngày: 08 tháng 11 năm 2018<br>V/v "Yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con" | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Huy;

*Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Nguyễn Thị Mý và bà Dương Thị Mộng Loan.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Thái Nam - Thư ký Toà án Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà***: Bà Hoàng Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 102/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 về việc "Yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1981; địa chỉ: Làng l, xã O, huyện I, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1978; địa chỉ: Làng L, xã O, huyện I, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong Đơn khởi kiện ghi ngày 20/6/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn B tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 32 ngày 27/6/2011 tại UBND xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn do anh B nhiều lần đánh bạc và vay mượn tiền của người khác. Chị đã phải nhiều lần trả nợ cho anh B và đã nhiều lần nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng sau đó rút đơn để cho anh B cơ hội sửa chữa nhưng anh B không từ bỏ nên ảnh hưởng đến cuộc sống của mẹ con chị. Chứng cứ mà chị T cung cấp cho Tòa án thể hiện chị đã từng nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B là quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số

39/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25/5/2018 của TAND huyện Ia Grai. Hiện anh B đã bỏ đi khỏi nhà khoảng 04 tháng. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh B.

- Về con chung: Giữa chị và anh B có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thiên V, sinh ngày 09/12/2010 và cháu Nguyễn Thị Thiên Th, sinh ngày 05/7/2014. Chị có nguồn thu nhập từ cây cao su, khoảng 15.000.000đ/tháng, anh B không có nghề nghiệp ổn định nên yêu cầu được trực tiếp nuôi hai cháu, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị và anh B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Ý kiến của bị đơn Nguyễn Văn B:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, tống đạt đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ kèm theo và các văn bản tố tụng nhưng anh B không có ý kiến gì và vắng mặt tại Tòa án.

*Ý kiến của cháu Nguyễn Thị Thiên V:* Đề nghị được chung sống với mẹ trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn.

*Ý kiến của Viện kiểm sát:* Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng, bị đơn thực hiện chưa đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Bị đơn anh Nguyễn Văn B có địa chỉ nơi tạm trú tại huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Ia Grai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh Nguyễn Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt anh B.

[3] Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn B kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị T: Theo chị T trình bày, trong cuộc sống chung giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn, anh B đã nhiều lần tự ý vay tiền của nhiều người nên ảnh hưởng đến cuộc sống chung và chứng cứ thể hiện trước đây chị đã từng yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn. Anh B đã được thông báo, tống đạt về yêu cầu khởi kiện của chị T nhưng không có ý kiến phản đối gì. Do đó, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn của vợ chồng theo chị T trình bày là có căn cứ, mâu thuẫn đã kéo dài, không còn quan tâm, cùng nhau chia sẻ,

thực hiện các công việc chung trong gia đình nên mâu thuẫn hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T theo quy định tại các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Chị T đủ điều kiện để đảm bảo cho việc trực tiếp nuôi con, anh B không có ý kiến phản đối nên chấp nhận yêu cầu của chị T, giao các cháu Vy và Thư cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

***Vì các lẽ trên,***

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Thị Thiên V, sinh ngày 09/12/2010 và cháu Nguyễn Thị Thiên Th, sinh ngày 05/7/2014 cho chị Lê Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên; hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Nguyễn Văn B có quyền và nghĩa vụ được thăm nom con không trực tiếp nuôi mà không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0004802 ngày 03/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện Ia Grai;
- Chi cục THA dân sự huyện Ia Grai;
- UBND xã I, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
*(đã ký tên và đóng dấu)*

**Nguyễn Văn Huy**